

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/DS-ST
Ngày: 11 - 9 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hồng Tư

2. Ông Phạm Văn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 112/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T; trụ sở: N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: B1A, Lô B, T, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T: Ông Lý Hải Đ (Theo giấy ủy quyền ngày 25 tháng 5 năm 2020).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu O, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông Đ có mặt, chị O vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T là ông Lý Hải Đ trình bày:

Ngày 18/3/2014, chị O có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T (sau đây gọi là Ngân hàng). Đến ngày 19/3/2014 Ngân hàng đồng ý phê duyệt hạn mức cấp thẻ cho chị O sử dụng

là 15.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Thời gian sử dụng là 03 năm, lãi suất tại thời điểm cấp hạn mức tín dụng là từ 1-2,6%/tháng theo biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng S. Về nghĩa vụ theo hợp đồng, hàng tháng chị O phải thanh toán số tiền tối thiểu trở lên cho đơn vị phát hành thẻ sau khi được thông báo và chị O đã thanh toán cho Ngân hàng đến kỳ giao dịch ngày 15/5/2015. Tuy nhiên, đến kỳ giao dịch ngày 15/6/2015 chị O không thực hiện theo thông báo của Ngân hàng nên đến ngày 16/8/2015 đã vi phạm Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là không thanh toán số tiền tối thiểu cho đến kỳ phát hành thông báo nên chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Thu O trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/5/2020 là 49.666.861 đồng (gồm nợ gốc 17.348.144 đồng và lãi quá hạn 32.318.717 đồng) và chị O có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 14/5/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu O thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 11/9/2020 là 51.923.390 đồng (trong đó nợ gốc là 17.348.144 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.575.246 đồng) và nợ lãi quá hạn phát sinh từ ngày 12/9/2020 đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng. Ông Lý Hải Đ xác định chỉ yêu cầu chị O có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng do hợp đồng trên là hợp đồng tín chấp cá nhân của chị O.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu O trình bày: Vào năm 2014, chị O có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T, hạn mức là 15.000.000 đồng và có thỏa thuận trả nợ gốc và lãi vào ngày 25 hoặc 26 hàng tháng. Sau khi được cấp thẻ, chị O có thực hiện giao dịch rút tiền để tiêu xài cá nhân nhưng đã thanh toán xong cho Ngân hàng. Khi thanh toán cho Ngân hàng thì chị O có nhận biên lai thanh toán nhưng hiện nay đã thất lạc. Do đó, chị O không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T, buộc chị Nguyễn Thị Thu O phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc là nợ lãi tính đến ngày 11/9/2020 là 51.923.390 đồng, trong đó nợ gốc là 17.348.144 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.575.246 đồng và nợ lãi quá hạn phát sinh từ ngày 12/9/2020 đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng. Về án phí, chị Nguyễn Thị Thu O phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với chị Nguyễn Thị Thu O và chị O hiện cư trú tại ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Cho nên

đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật áp dụng: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Chị Nguyễn Thị Thu O được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt. Xét thấy, tại Biên bản ghi lời khai đề ngày 03/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, chị O yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị O.

[4] Về nội dung: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị O thanh toán tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11 tháng 9 năm 2020 là 51.923.390 đồng, trong đó nợ gốc là 17.348.144 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.575.246 đồng và nợ lãi quá hạn phát sinh từ ngày 12/9/2020 đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng. Chị O không đồng ý thanh toán cho Ngân hàng bởi sau khi thực hiện giao dịch rút tiền thì chị O đã thanh toán xong cho Ngân hàng.

[4.1] Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng cung cấp Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 19 tháng 3 năm 2014 giữa Ngân hàng với chị O, với hạn mức thẻ tín dụng 15.000.000 đồng. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 03/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, chị O xác định: Vào năm 2014, chị O có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, với hạn mức là 15.000.000 đồng. Do đó, giữa Ngân hàng với chị O có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng như Ngân hàng trình bày.

[4.2] Tại Biên bản ghi lời khai đề ngày 03/8/2020 và ngày 26/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, chị O xác định là giữa chị O với Ngân hàng có thỏa thuận trả gốc và lãi vào khoảng ngày 25 hoặc 26 của tháng, sau khi chị O rút tiền đã thanh toán đủ cho Ngân hàng; khi chị O thanh toán thì Ngân hàng có đưa biên lai cho chị O nhưng nay đã thất lạc. Xét thấy, chị O cho rằng đã thanh toán đủ cho Ngân hàng nhưng không có chứng cứ gì chứng minh trong khi Ngân hàng không thừa nhận nên lời trình bày của chị O là không có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Theo Tóm tắt sao kê ngày 11/9/2020 và Công văn số 137 ngày 07/9/2020 của Ngân hàng thì chị O có thực hiện giao dịch đối với thẻ tín dụng được cấp theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Xét thấy, theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định tại Điều 2 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ như sau: *“Chủ thẻ, là cả chủ thẻ chính và bất kỳ và tất cả chủ thẻ phụ, chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do việc sử dụng thẻ bao gồm nhưng không giới hạn những khoản phí không hoàn lại, lệ phí và thuế theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán đầy đủ cho đơn vị phát hành thẻ mà không cần có bằng chứng hóa đơn được ký hay chứng từ khác”*. Tại Điều 23 quy định về vi phạm như sau: *“Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên*

sự vi phạm theo hợp đồng, trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thể phải thanh toán”. Như vậy, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng trên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 471 và 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía chị O không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn cho Ngân hàng để làm phát sinh nợ quá hạn là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện chị O trả số tiền 51.923.390 đồng, trong đó nợ gốc là 17.348.144 đồng và nợ lãi quá hạn là 34.575.246 đồng (tính đến ngày 11/9/2020) và nợ lãi quá hạn phát sinh từ ngày 12/9/2020 đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 290, Điều 305, Điều 471 và 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử có cơ sở buộc chị O có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T số tiền gốc còn nợ 17.348.144 đồng, nợ lãi là 34.575.246 đồng (tính đến ngày 11/9/2020), tổng cộng là 51.923.390 đồng và nợ lãi quá hạn phát sinh từ ngày 12/9/2020 đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T được chấp nhận nên chị O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ Điều 290, Điều 305, Điều 471 và 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T đối với chị Nguyễn Thị Thu O.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Thu O phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11 tháng 9 năm 2020 là 51.923.390 (năm mươi một triệu chín trăm hai mươi ba nghìn ba

trăm chín mươi) đồng, trong đó nợ gốc là 17.348.144 đồng, nợ lãi là 34.575.246 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/9/2020), chị Nguyễn Thị Thu O còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ nợ gốc còn phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T theo mức lãi suất được quy định theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 19 tháng 3 năm 2014 đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T thì lãi suất mà chị Nguyễn Thị Thu O phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu O phải chịu số tiền 2.596.169 (hai triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi chín) đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T đã dự nộp số tiền 1.241.000 (một triệu hai trăm bốn mươi một nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0005398 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ**

Nguyễn Duy Khanh